STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông		Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông		Trạm Y tế xã Đắk Sao		Trạm Y tế xã Đắk Na		Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan		Trạm Y tế xã Đắk Hà		Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông		Trạm Y tế xã Văn Xuôi		Trạm Y tế xã Ngọk Yêu		Trạm Y tế xã Măng Ri		Trạm Y tế xã Tê Xăng		Trạm Y tế xã Ngọk Lây	
		Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí
A	**XANH (2)**	**8**	**2M4**	**7**	**1M3,1M4**	**7**	**1M3,1M4**	**9**	**1M5,1M4**	**9**	**2M4**	**8**	**2M4**	**9**	**1M5,1M4**	**8**	**1M5,1M3**	**8**	**2M4**	**8**	**2M4**	**7**	**1M3,1M4**	**8**	**2M4**
A1.	CSYT thực hiện trồng cây xanh (1)	4	M4	3	M3	3	M3	5	M5	4	M4	4	M4	5	M5	5	M5	4	M4	4	M4	3	M3	4	M4
A2.	CSYT sử dụng năng lượng xanh (1)	4	M4	4	M4	4	M4	4	M4	4	M4	4	M4	4	M4	3	M3	4	M4	4	M4	4	M4	4	M4
B	**SẠCH (24)**	**49,5**	**1M1, 2M2, 6M3, 12M4, 3M5**	**39**	**3M1, 2M2, 7M3, 9M4, 3M5**	**40,5**	**3M1, 3M2, 4M3, 10M4,4M5**	**42,5**	**4M1, 3M2, 2M3, 10M4, 4M5**	**43**	**4M1, 3M2, 2M3, 10M4, 4M5**	**43**	**4M1, 3M2, 2M3, 10M4, 4M5**	**42,5**	**4M1, 3M2, 2M3, 10M4, 4M5**	**37**	**3M1, 4M2, 7M3, 8M4, 2M5**	**36,5**	**3M1, 5M2, 6M3, 8M4, 2M5**	**41,5**	**3M1, 3M2, 3M3, 9M4, 5M5**	**42**	**3M1, 3M2, 2M3, 12M4, 4M5**	**41,5**	**3M1, 3M2, 3M3, 11M4, 4M5**
B1.	Nước sạch (2)	3	1M1, 1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1, 1M2	3	1M1,1M2	3	1M1,1M2	3	1M1, 1M2	3	1M1, 1M2
B2.	Nhà vệ sinh (8)	14,5	2M3, 6M4	13	2M3, 5M4,1M5	14,5	6M4, 2M5	14,5	5M4, 2M5	14,5	5M4, 2M5	14,5	5M4, 2M5	14,5	5M4, 2M5	12	3M3, 5M4	11,5	1M2, 5M4, 2M3	11,5	6M4, 2M5	14,5	6M4, 2M5	14,5	6M4, 2M5
B3.	Quản lý chất thải (11)	25	3M2,2M3, 3M4, 3M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16	3M1, 2M2, 2M3, 3M4,1M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4, 2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16	3M1, 2M2, 2M3, 3M4,1M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5	16,5	2M1, 2M2,2M3,3M4,2M5
B4.	Vệ sinh môi trường (3)	7	1M3,2M5	6,5	2M3,1M4	6,5	2M3,1M4	9	2M4,1M5	9	2M4,1M5	9	2M4,1M5	9	2M4,1M5	5,5	1M2,2M3	5,5	1M2, 2M3	7,5	1M3, 2M4	8	3M4	7,5	1M3, 2M4
C	**ĐẸP (6)**	**7,5**	**1M3, 3M4, 2M5**	**6,1**	**1M2, 2M3, 2M4,1M5**	**6,6**	**3M3, 2M4, 1M5**	**7,6**	**2M3, 2M4, 2M5**	**8,1**	**2M3, 2M4, 2M5**	**8,1**	**2M3, 2M4, 2M5**	**7,6**	**2M3, 2M4, 2M5**	**5,1**	**1M2,4M4,1M5**	**5,1**	**1M2, 4M3, 1M5**	**6,6**	**3M3, 1M4, 2M5**	**7,1**	**2M3, 2M4, 2M5**	**7,1**	**3M3, 1M4, 2M5**
C1.	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, đẹp, dễ quan sát (1)	1	M5	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3	0,6	M3
C2.	Khuôn viên CSYT trang trí đẹp(1)	1	M3	0,5	M2	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3	1	M3
C3.	Khu sảnh chờ, phòng chờ trang trí đẹp (1)	1,5	M4	1,5	M4	1,5	M4	2	M5	2	M5	2	M5	2	M5	1	M3	1	M3	1	3M3	1	M4	1	M3
C4.	Khoa/phòng/buồng bệnh trang trí đẹp (1)	1,5	M4	1,5	M4	1,5	M4	1,5	M4	2	M4	2	M4	1,5	M4	1	M3	1	M3	1,5	M4	2	M5	2	M5
C5.	Khu vực gửi xe bố trí gọn gàng, đẹp (1)	1,5	M4	1	M3	1	M3	1,5	M4	1,5	M4	1,5	M4	1,5	M4	0,5	M2	0,5	M2	1,5	M5	1,5	M4	1,5	M4
C6.	Trang phục đẹp (1)	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5	1	M5

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		PHẦN A. XANH	**10**	**8**	**7**	**7**	**9**	**8**	**8**	**9**	**8**	**8**	**8**	**7**	**8**
1	A1	**Cây xanh**	5	4	3	3	5	4	4	5	5	4	4	3	4
		Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng diện tích khuôn viên CSYT													
2	A2	**Năng lượng xanh**	5	4	4	4	4	4	4	4	3	4	4	4	4
		+ Quy định tiết kiệm điện													
		+ Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện													
		+ Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện													
		+ Sử dụng thiết bị điện có cảm ứng													
		+ Sử dụng năng lượng tự nhiên													
		PHẦN B. NỘI DUNG SẠCH	**80**	**49,5**	**39**	**40,5**	**42,5**	**43**	**43**	**42,5**	**37**	**36,5**	**41,5**	**42**	**41,5**
	B1	**Nước sạch**	**10**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	B2	**Nhà vệ sinh**	**20**	**14,5**	**13**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**12**	**11,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**
5	B2.1	**Số lượng nhà vệ sinh tại Khoa khám bệnh**	2	1,5	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1	0,5	1,5	1,5	1,5
		+ Khu vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế													
		+ Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám													
6	B2.2	**Số lượng nhà vệ sinh tại mỗi Khoa/phòng điều trị, xét nghiệm**	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		+ Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế													
		+ Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu và 01 chỗ tắm giặt													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		+ Có nhà vệ sinh đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận và sử dụng được													
7	B2.3	**Điều kiện chung về nhà vệ sinh**	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		+ Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh													
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng													
		+ Không mùi hôi													
		+ Có sẵn nước rửa tay, nước dội													
		+ Có bảng hướng dẫn rửa tay													
8	B2.4	**Sàn nhà vệ sinh**	2	1,5	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
		+ Khô, không đọng nước.													
		+ Không trơn trượt.													
		+ Sạch, không có vết bẩn.													
		+ Không có rác rơi vãi													
		+ Không bong tróc, nứt vỡ													
9	B2.5	**Tường, trần nhà vệ sinh**	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
		+ Không có mạng nhện													
		+ Không có rêu mốc													
		+ Không bong tróc													
		+ Không thấm, dột													
		+ Được quét sơn/vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan													
10	B2.6	**Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước**	2	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		+ Không nứt, vỡ													
		+ Không hỏng, tắc													
		+ Xí tiểu không dính đọng phân, nước tiểu													
11	B2.7	**Các vật dụng trong NVS**	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		+ Có sẵn giấy vệ sinh													
		+ Thùng đựng chất thải													
		+ Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay													
		+ Có gương soi, có móc treo đồ													
12	B2.8	**Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh**	2	2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		+ Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		+ Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần													
	B3	**Quản lý chất thải y tế**	**40**	**25**	**16,5**	**16,5**	**16**	**16,5**	**16,5**	**16**	**16,5**	**16,5**	**16,5**	**16,5**	**16,5**
13	B3.1	**CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định:**	5	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
		+ Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định													
		+ Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định													
14	B3.2	**CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:**	2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		+Tần suất thu gom													
		+ Dụng cụ thu gom													
		+ Quy định tuyến đường, thời điểm thu gom													
15	B3.3	**CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định:**	2	2	1	1	0,5	1	1	0,5	1	1	1	1	1
		+ Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật													
		+ Thời gian lưu giữ đúng quy định													
16	B3.4	**CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định**	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		Chuyển giao để xử lý tập trung													
		+ Chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp													
		+ Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn													
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định													
		+ Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)													
		Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		+ Chuyển giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt)													
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế													
		+ Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu;													
17	B3.5	**CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:**	4	4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường													
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn													
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin													
		+ Sử dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường (khuyến khích)													
18	B3.6	**CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định**	2	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
		+ Có ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế													
		+ Có thực hiện phân loại CTYT để phục vụ tái chế													
		+ Ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng phù hợp													
		+ Có sổ bàn giao chất thải sau khi đã xử lý khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường để phục vụ tái chế (đối với CSYT sử dụng thiết bị khử khuẩn chất thải lây nhiễm)													
		CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		+ Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
19	B3.7	+ Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định													
		+ Có sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ													
		+ Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng nước, không có mùi hôi													
		+ Đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường													
20	B3.8	**CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, ƯPSCMT do chất thải y tế**	3	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
		+ Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT													
		+ Có tập huấn, truyền thông													
		+ Có thực hành diễn tập													
21	B3.9	**CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định**	5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Có thực hiện quan trắc, giám sát đủ tần suất, đủ thông số theo quy định													
22	B3.10	**Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		+ Trang bị đủ bảo hộ lao động													
		+ Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc													
23	B3.11	**Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế**	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		+ Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.													
		+ Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		+ Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa.													
		+ Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật													
	B4	**Vệ sinh môi trường**	10	7	6,5	6,5	9	9	9	9	5,5	5,5	7,5	8	7,5
24	B4.1	**Sân, vườn, khuôn viên**	3	2,5	2,5	2	2,5	2,5	2,5	2,5	2	2	2,5	2	2,5
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng													
		+ Có đủ thùng đựng chất thải													
		+ Không có chất thải rơi vãi													
		+ Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong tróc													
25	B4.2	**Hành lang, lối đi, sảnh chờ**	2	1,5	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0,5	0,5	1	1,5	1
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt													
		+ Không có chất thải rơi vãi													
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng													
		+ Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không có rêu mốc, bong tróc													
26	B4.3	**Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh**	5	3	3	3	5	5	5	5	3	3	4	4	4
		+ Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc													
		+ Sàn sạch, không đọng nước, không trơn trượt													
		+ Không có chất thải rơi vãi													
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng													
	C	**PHẦN C. ĐẸP**	10	7,5	6,1	6,6	7,6	8,1	8,1	7,6	5,1	5,1	6,6	7,1	7,1
27	C1	**Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát**	1	1	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6
		+ Có biển tên: CSYT, các khoa/phòng bộ phận/nhà vệ sinh													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
27	C1	+ Có sơ đồ, biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh; biển chỉ dẫn lối đi trong CSYT													
		+ Có Băng rôn, bảng chữ điện tử, khẩu hiệu CSYT "Xanh, Sạch, Đẹp"													
28	C2	**Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường**	2	1	0,5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		+ Có đài phun nước hoặc tiểu cảnh hòn non bộ, bể cá; hoặc hồ nước trong khuôn viên CSYT.													
		+ Hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ...được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên													
		+ Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.													
29	C3	**Khu sảnh chờ, phòng chờ**	2	1,5	1,5	1,5	2	2	2	2	1	1	1	1	1
		+ Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện													
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp													
		+ Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch													
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB)													
		+ Có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh													
30	C4	**Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng**	2	1,5	1,5	1,5	1,5	2	2	1,5	1	1	1,5	2	2
		+ Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần.													
		+ Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc													

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm											
				Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đăk Hà	Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
30	C4	+ Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.													
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp.													
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để NB, NNNB giải trí													
31	C5	**Khu vực gửi xe**	2	1,5	1	1	1,5	1,5	1,5	1,5	0,5	0,5	1,5	1,5	1,5
		+ Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh													
		+ Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng													
		+ Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm													
		+ Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ													
32	C6	**Trang phục NVYT, NB, NNNB**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		+ Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp													
		+ NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/ váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố													
Tổng cộng			**100**	**65**	**52,1**	**54,1**	**59,1**	**59,1**	**59,1**	**59,1**	**50,1**	**49,6**	**56,1**	**56,1**	**56,6**
Tổng điểm theo Hướng dẫn chấm tại Công văn 519/MT-YT				**65**	**53,2**	**55,2**	**60,3**	**60,3**	**60,3**	**60,3**	**51,1**	**50,6**	**57,2**	**57,8**	**57,8**
Xếp loại				**Khá**	**Trung bình**	**Trung bình**	**Khá**	**Khá**	**Khá**	**Khá**	**Trung bình**	**Trung bình**	**Trung bình**	**Trung bình**	**Trung bình**

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		PHẦN A. XANH						**10**	**8**	**7**	**7**	**9**	**8**	**8**	**9**	**8**	**8**	**8**	**7**	**8**
		Căn cứ TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế																		
1	A1	**Cây xanh:** Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng khuôn viên cơ sở y tế	<5%	5-<10%	10-<20%	20-<40%	≥40%	5	4	3	3	5	4	4	5	5	4	4	3	4
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
2	A2	**Năng lượng xanh:** + Quy định tiết kiệm điện + Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện + Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện + sử dụng thiết bị điện có cảm ứng + Sử dụng năng lượng tự nhiên	Thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện được 4 nội dung	Thực hiện 5 nội dung	5	4	4	4	4	4	4	4	3	4	4	4	4
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
		PHẦN B. SẠCH						**80**	**49,5**	**39**	**40,5**	**42,5**	**43**	**43**	**42,5**	**37**	**36,5**	**41,5**	**42**	**41,5**
	B1	**Nước sạch**						**10**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**
		Căn cứ đánh giá: *- Chất lượng nước: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hoặc QC địa phương; QCVN 6-1: 2010/BYT "Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai"* *- Số lượng: 1m^3/GB/ngày (đối với BVĐK theo QCVN4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế); Các CSYT khác: 100 -300lít/người/ngày theo TCVN4513:1988 về cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế*																		
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	- Không cấp đủ, - không liên tục - không đạt chất lượng	- Nước cấp đủ - Không đạt CLN	Nước cấp đủ và đạt CLN nhưng không liên tục 24h/ngày tới tất cả các khoa phòng	Nước cấp đủ, liên tục 24h/ngày tới tất cả các khoa phòng và đạt CLN	Đạt mức 4 và thực hiện tự giám sát 1 số chỉ tiêu CLN (clo dư, vi sinh)	5	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	Không theo dõi, kiểm tra CLN	Có theo dõi kiểm tra nhưng CLN không đạt	CLN đạt và cung cấp đủ tới tất cả các khoa/phòng	Đạt mức 3 và có nước nóng, lạnh được cấp đủ liên tục 24h/ngày	Đạt mức 4 và thực hiện tự giám sát 1 số chỉ tiêu vi sinh	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
	B2	**Nhà vệ sinh**						**20**	**14,5**	**13**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**	**12**	**11,5**	**14,5**	**14,5**	**14,5**
5	B2.1	**Số lượng nhà vệ sinh khoa khám bệnh** (1) Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế (2) Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám	Không đạt (1)	Đạt (1) nhưng không đạt (2)	Đạt cả (1) và (2)	Đạt (1) và ≥ 2 NVS (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám	Đạt mức 4 và có NVS cho người khuyết tật và trẻ em	2	1,5	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1	0,5	1,5	1,5	1,5
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
6	B2.2	**Số lượng nhà vệ sinh khoa/phòng điều trị , xét nghiệm** + Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế + Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu, 01 chỗ tắm giặt + Phải có ít nhất một khu vệ sinh đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% các khoa/phòng	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
7	B2.3	**Điều kiện chung NVS** + Có biển chỉ dẫn đến NVS + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng + Không mùi hôi + Có sẵn nước rửa tay, nước dội + Có bảng hướng dẫn rửa tay	Đạt ≤ 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt đủ 5 nội dung	Đạt mức 4 và có thiết bị tạo mùi hương thơm hoặc có nhạc hoặc cây xanh trang trí	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4													

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
8	B2.4	**Sàn nhà vệ sinh** + Khô, không đọng nước. + Không trơn trượt. + Sạch, không có vết bẩn. + Không có rác rơi vãi + Không bong tróc, nứt vỡ	Đạt ≤ 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đủ cả 5 nội dung	2	1,5	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
9	B2.5	**Tường, trần nhà vệ sinh** + Không có mạng nhện, + Không có rêu mốc, + Không bong tróc + Không thấm, dột + Được quét sơn/ vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan	Đủ 1 nội dung	Đủ 2 nội dung	Đủ 3 nội dung	Đủ 4 nội dung	Đủ cả 5 nội dung	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
10	B2.6	**Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu** + Không nứt, vỡ, + Không hỏng, tắc + Xí tiểu không dính đọng phân, nước tiểu;	Không đạt nội dung nào	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt cả 3 nội dung	Đạt mức 4 và thiết bị có cảm ứng/ hoặc có thiết bị vệ sinh thông minh	2	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
11	B2.7	**Các vật dụng trong NVS** + Có sẵn giấy vệ sinh, + Thùng đựng chất thải + Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay + Có gương soi, móc treo đồ	Đủ 1 nội dung	Đủ 2 nội dung	Đủ cả 3 nội dung	Đủ 4 nội dung	Đạt mức 4 và có bình nóng lạnh/có thiết bị làm khô tay	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4													
12	B2.8	**Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh** + Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát + Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần	Không đạt cả 2 nội dung	Đạt 1 nội dung	Đạt cả 2 nội dung	Đạt mức 3 và thực hiện dọn vệ sinh ngay khi bẩn	Đạt mức 4 và có sáng kiến, ứng dụng CNTT trong giám sát dọn vệ sinh	2	2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		Đánh giá chung cả bệnh viện	<10% số NVS	10- <50% số NVS	50- <80% số NVS	80 - <100% số NVS	100% số NVS													
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
	B3	**Quản lý chất thải y tế**						**40**	**25**	**16,5**	**16,5**	**16**	**16,5**	**16,5**	**16**	**16,5**	**16,5**	**16,5**	**16,5**	**16,5**
		Căn cứ: *- Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế* *- QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế* *- QCVN 55: 2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm* *- QCVN 02: 2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế* *- Quyết định số 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 về việc Ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, giai đoạn 2021-2025*																	
13	B3.1	**CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định:** + Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định + Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% khoa/phòng/bộ phận thực hiện và có sử dụng túi thân thiện môi trường, thùng cảm ứng	5	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
		CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về: + Tần suất + Dụng cụ thu gom		Thực hiện 1 trong 3 nội dung hoặc không xử lý sơ			Thực hiện đạt mức 4 và có sáng													

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
14	B3.2	+ Tuyến đường, thời điểm	Không thực hiện cả 3 nội dung	Không xử lý sơ bộ CT có nguy cơ lây nhiễm cao trước khi thu gom (nếu có)	Thực hiện 2 trong 3 nội dung;	Thực hiện đủ 3 nội dung;	kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
15	B3.3	**CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định:** (1) Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định (2) Thời gian lưu giữ đúng quy định	Không có khu lưu giữ	Có khu lưu giữ nhưng không đạt cả 2 nội dung	Có khu lưu giữ và chỉ đạt 1 trong 2 nội dung	Có khu lưu giữ đạt cả 2 nội dung	Đạt mức 4 và có trang bị điều hòa hoặc thiết bị bảo quản lạnh chất thải lây nhiễm	2	2	1	1	0,5	1	1	0,5	1	1	1	1	1
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
16	B3.4	**CSYT thực hiện chuyển giao chất thải cho đơn vị xử lý đúng quy định**						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
		Chuyển giao để xử lý tập trung + Chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp + Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn + Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định + Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)	Đơn vị vận chuyển không có giấy phép phù hợp	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 3 nội dung	Đơn vị vận chuyển có giấy phép phù hợp và thực hiện 4 nội dung	Thực hiện đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT													
		Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế + Chuyển giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt) + Có Sổ giao nhận chất thải y tế + Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu	Đơn vị vận chuyển không được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện < 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện 2 nội dung	Đơn vị vận chuyển được phê duyệt trong KH của UBND tỉnh và thực hiện 3 nội dung	Thực hiện đạt mức 3và có biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường	thực hiện đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT													
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4													
17	B3.5	**CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:**						4	4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	- Có xử lý CTYT	- Có xử lý CTYT	- Có xử lý CTYT															
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn	- Không thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	- Có thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	- Có thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn; có sổ vận hành được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	Đạt mức 3 và có sử dụng công nghệ xử lý CTYT thân thiện với môi trường	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT trong quản lý giám sát vận hành hệ thống xử lý CTYT													
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin		- Kết quả xử lý không đạt QCVN	- Kết quả xử lý đạt QCVN															
		+ Sử dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường (khuyến khích)																		
		Điểm đánh giá	0,5	1	2	3	4													

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
18	B3.6	**CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định**	- Không ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế - Không phân loại CTYT để phục vụ tái chế	- Ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế - Có phân loại CTYT để phục vụ tái chế nhưng ký hợp đồng với đơn vị không có chức năng phù hợp	Có phân loại CTYT để phục vụ tái chế và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp	Đạt mức 3 và khi bàn giao chất thải lây nhiễm đã xử lý đạt QCVN có sổ bàn giao theo quy định	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	2	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
19	B3.7	**CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định**	Không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế	- Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế - Kết quả xử lý không đạt QCVN	- Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế - Kết quả xử lý đạt QCVN không ổn định (lúc đạt, lúc không)	- Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế - Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định - Có sổ nhật ký vận hành công trình, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ - Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng nước, không có mùi hôi - Kết quả xử lý luôn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	Đạt mức 4 và có ứng dụng CNTT trong giám sát nước thải đầu ra	7	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Điểm đánh giá	0	1	3	5	7													
20	B3.8	**CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, ƯPSCMT do chất thải y tế** + Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT theo kế hoạch + Có tập huấn, truyền thông + Có thực hành diễn tập	Không có kế hoạch, được phê duyệt	- Có kế hoạch được phê duyệt - Chưa triển khai tập huấn, truyền thông	- Có kế hoạch được phê duyệt - Có triển khai tập huấn, truyền thông	- Có kế hoạch được phê duyệt - Có triển khai tập huấn, truyền thông - Có thực hành diễn tập	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT	3	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
		Điểm đánh giá	0	1	2	2,5	3													
21	B3.9	**CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định**	Không quan trắc	Có quan trắc nhưng không đủ tần suất	Có quan trắc, đủ tần suất nhưng không đủ thông số	Có quan trắc, đủ tần suất, đủ thông số	Đạt mức 4 và có hệ thống giám sát tự động	5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Điểm đánh giá	0	2	3	4	5													
22	B3.10	**Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động** + Trang bị đủ bảo hộ lao động + Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	Không trang bị đủ bảo hộ lao động	Có trang bị nhưng không đầy đủ bảo hộ lao động	Có trang bị đủ bảo hộ lao động nhưng không mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	Trang bị đủ bảo hộ lao động và có mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc nhưng không thường xuyên	Trang bị đủ bảo hộ lao động và có luôn mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		Điểm đánh giá	0,2	0,4	0,6	0,8	1													
23	B3.11	**CSYT thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế**						5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
		+ Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng. + Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế + Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa. + Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật	Thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện 4 nội dung	Đạt mức 4 và có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng CNTT													
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
	B4	**Vệ sinh môi trường**						**10**	**7**	**6,5**	**6,5**	**9**	**9**	**9**	**9**	**5,5**	**5,5**	**7,5**	**8**	**7,5**
24	B4.1	**Sân, vườn, khuôn viên:** + Sạch sẽ, không có nước đọng + Có đủ thùng đựng chất thải, + Không có chất thải rơi vãi, + Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong tróc	thực hiện ít nhất được 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện tốt 4 nội dung	Đạt mức 4 và có sáng kiến, áp dụng CNTT trong việc giám sát các nội dung	3	2,5	2,5	2	2,5	2,5	2,5	2,5	2	2	2,5	2,5	2,5
		Điểm đánh giá	0	1	2	2,5	3													
25	B4.2	**Hành lang, lối đi , sảnh chờ** + Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt + Không có chất thải rơi vãi, + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng + Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không rêu mốc, bong tróc	Không thực hiện hoặc thực hiện 1 nội dung	Thực hiện 2 nội dung	Thực hiện 3 nội dung	Thực hiện tốt 4 nội dung	Đạt mức 4 và có sáng kiến, áp dụng CNTT trong việc giám sát các nội dung	2	1,5	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0,5	0,5	1	1,5	1
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
26	B4.3	**Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh** + Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc + Sàn sạch, không trơn trượt, + Không có chất thải rơi vãi, + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	<10% các khoa/phòng	10- <50% các khoa/phòng	50- <80% các khoa/phòng	80 - <100% các khoa/phòng	100% các khoa/phòng	5	3	3	3	5	5	5	5	3	3	4	4	4
		Điểm đánh giá	1	2	3	4	5													
		PHẦN C. ĐẸP						**10**	**7,5**	**6,1**	**6,6**	**7,6**	**8,1**	**8,1**	**7,6**	**5,1**	**5,1**	**6,6**	**7,6**	**7,1**
27	C1	**Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát** + Có biển tên: CSYT, các khoa/phòng bộ phận/nhà vệ sinh + Có sơ đồ, biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh; biển chỉ dẫn lối đi trong CSYT + Có Băng rôn, khẩu hiệu CSYT "Xanh, Sạch, Đẹp"	Không đạt cả 3 nội dung	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt mức 4 và sử dụng bảng điện tử	1	1	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6
		Điểm đánh giá	0,2	0,4	0,6	0,8	1													
28	C2	**Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường** + Có đài phun nước hoặc tiểu cảnh hòn non bộ, bể cá; hoặc hồ nước trong khuôn viên CSYT. + Hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ...được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên + Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.	Không đạt cả 3 nội dung	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt mức 4 và có vui chơi, giải trí, sân tập thể thao/ có sân phơi quần áo, có mái che cho NB, NNNB	2	1	0,5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
		Khu sảnh chờ, phòng chờ																		

STT	Tiêu chí /nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	Điểm đánh giá	Điểm chấm											
									Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Trạm Y tế xã Đắk Na	Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Trạm Y tế Tu Mơ Rông	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Trạm Y tế xã Ngọk Yêu	Trạm Y tế xã Măng Ri	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Trạm Y tế xã Ngọk Lây
29	C3	+ Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp + Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch + Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB) + Có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt cả 5 nội dung	2	1,5	1,5	1,5	2	2	2	2	1	1	1	1,5	1
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
30	C4	**Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng** + Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần. + Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc + Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp. + Có ti vi hoặc màn hình điện tử để NB, NNNB giải trí	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt cả 5 nội dung	2	1,5	1,5	1,5	1,5	2	2	1,5	1	1	1,5	2	2
		% tỷ lệ khoa phòng	<10% số khoa/phòng	10- <50% số khoa/phòng	50- <80% số khoa/phòng	80 - <100% số khoa/phòng	100% số khoa/phòng													
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
31	C5	**Khu vực gửi xe** + Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh + Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng + Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm + Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt cả 4 nội dung	Đạt mức 4 và có camera giám sát hoặc khu để xe thông minh	2	1,5	1	1	1,5	1,5	1,5	1,5	0,5	0,5	1,5	1,5	1,5
		Điểm đánh giá	0	0,5	1	1,5	2													
32	C6	**Trang phục NVYT, NB, NNNB** + Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp + NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/ váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố	Đạt 1 nội dung	Đạt 2 nội dung	Đạt 3 nội dung	Đạt 4 nội dung	Đạt cả 5 nội dung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		Điểm đánh giá	0,2	0,4	0,6	0,8	1													
Tổng cộng								**100**	**65**	**52,1**	**54,1**	**59,1**	**59,1**	**59,1**	**59,1**	**50,1**	**49,6**	**56,1**	**56,6**	**56,6**
Tổng điểm theo Hướng dẫn chấm điểm tại Công văn 519/MT-YT									**65**	**53,2**	**55,2**	**60,3**	**60,3**	**60,3**	**60,3**	**51,1**	**50,6**	**57,2**	**57,8**	**57,8**